

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS-ST
Ngày 22-9-2022
V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Châu;
2. Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Ông Phan Thái Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Q;

Địa chỉ: phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị T, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T là ông Đặng Bửu Đ, sinh năm 1998, ông Lê H1, sinh năm 1986 và ông Trần Hoàng V, sinh năm 1986 – Cán bộ Ngân hàng Q.

Địa chỉ: phường A1, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Long H2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: phường 1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Đặng Thị H3, sinh năm 1981;

2. Ông Đặng Văn N, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: phường 1, thành phố H, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày*: Ngày 10/12/2019 ông Đặng Long H1 có ký kết với Ngân hàng Q (Ngân hàng) hợp đồng tín dụng số 3426939.19 để vay số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), cùng ngày thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay này cho ông H1, mục đích vay là ông H1 mua xe ô tô cũ tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng là ngày 10/12/2019 đến ngày 10/12/2023, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10,4%/1 năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi chỉ áp dụng 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm công biên độ 4,1%/1 năm; Hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 10 hàng tháng, trả trong 48 tháng, trong 47 tháng đầu mỗi tháng trả 5.210.000đồng, tháng cuối trả 5.130.000đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 10/01/2020. Hoàn trả lãi vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 10/01/2020; trả phí theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay này thì ông H1 có thể chấp bằng tài sản là chiếc xe ô tô (đã qua sử dụng), loại 07 chỗ ngồi, nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER, biển số 66A-106.42 do ông H1 đứng tên trong trong Giấy chứng nhận đăng ký xe.

Qua quá trình thực hiện hợp đồng thì trong thời gian đầu ông H1 có thực hiện được một phần nghĩa vụ của mình, nhưng sau đó thì ông không thực hiện nữa và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Nay Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu ông Đặng Long H1 trả số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 193.401.899đ (Một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm lẻ một nghìn tám trăm chín mươi chín đồng). Trong đó tiền gốc là 182.106.313đ, tiền lãi trong hạn là 9.944.109đ và lãi quá hạn là 1.351.477đ, các khoản lãi được tạm tính đến ngày 25/6/2021 và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết cho đến khi kết thúc thi hành án xong.

Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Ngân hàng chỉ khởi kiện một mình ông Đặng Long H1 trả nợ, vì số này một mình ông H1 vay, không liên quan đến người khác.

Ngoài ra Ngân hàng không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Bị đơn*: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn là ông Đặng Long H1 không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Riêng ông Đặng Long H1 từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đã không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng”. Bị đơn ông Đặng Long H1 có địa chỉ cư trú tại khóm 3, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Đặng Long H1 vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Đối với người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 và 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Đặng Long H1, việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông Đặng Long H1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh có quy định:

“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

....

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Xét thấy, bị đơn ông Đặng Long H1 biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án của ông, tuy nhiên ông không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là quyền và nghĩa vụ của ông, nhưng ông từ bỏ quyền này, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Đồng thời tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự về Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh có quy định:

“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Như vậy, căn cứ vào những quy định của pháp luật trên thì ông Đặng Long H1 không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Đặng Long H1 cũng không đến Tòa án để Tòa án hòa giải nội dung tranh chấp của vụ án. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Đặng Long H1 là có thật, khoản vay đã đến thời hạn trả theo thỏa thuận (trả góp), nhưng ông Đặng Long H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình nên đã vi phạm hợp đồng, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, ông Đặng Long H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 193.401.899đ (Một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm lẻ một nghìn tám trăm chín mươi chín đồng). Trong đó tiền gốc là 182.106.313đ, tiền lãi trong hạn là 9.944.109đ và lãi quá hạn là 1.351.477đ, các khoản lãi được tạm tính đến ngày 25/6/2021. Các khoản tiền lãi được tiếp tục tính theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 3426939.19 ngày 10/12/2019 mà hai bên đã ký kết từ ngày 26/6/2021 cho đến khi thi hành án xong.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Đặng Long H1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 229, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 117, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q;

Buộc ông Đặng Long H1 có nghĩa vụ trả số tiền vay còn thiếu cho Ngân hàng Q tổng cộng là 193.401.899đ (Một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm lẻ một nghìn tám trăm chín mươi chín đồng). Trong đó tiền gốc là 182.106.313đ, tiền lãi trong hạn là 9.944.109đ và lãi quá hạn là 1.351.477đ, các khoản lãi được tạm tính đến ngày 25/6/2021. Các khoản tiền lãi được tiếp tục tính theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 3426939.19 ngày 10/12/2019 mà hai bên đã ký kết từ ngày 26/6/2021 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Long H1 phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.670.000đ (Đã làm tròn).

Ngân hàng Q không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Q số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 4.835.000đ, theo biên lai thu số 0006538 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Huỳnh Anh